CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***523 297***	***117 388***	***405 909***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**126 387**	**13 513**	**112 874**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***54 800***	***13 513***	***41 287***			
1		V-TRACO	03/06	945/05	18/06	BN 2388	CỤC XỐ 1C	1 450	1 445	5	11/6	TD	
2		KDT MIỀN BẮC	10/6	986/05	25/6	MÌNH HẰNG 822	CÁM 5A.1	4 650	1 498	3 152	11/6		
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CÁM 6A.1	47 700	10 570	37 130	DỞ		TTCO:25.000 - 22.700
4		XD CN MỎ	10/06	985/06		BN 2056	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000	DỞ	TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***71 587***		***71 587***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
10		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XỐ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
13		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
14		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỐ 1C	1 030		1 030		TD	
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
18		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
19		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
20		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
21		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
22		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
23		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
24		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
27		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
28		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
29		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
30		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
31		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	
32		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
33		KDT CẦU ĐUỐNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
35		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
37		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
38		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
39		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
40		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
41		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
43		ĐAM HÀ BẮC	11/06	987/06	26/6	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700			
44		CROMIT THANH HOÁ	11/06	988/06	26/6	CHÍ THÀNH 69	CÁM 5A.1	3 250		3 250		PTCB	
45		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
46		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
	Tàu chuyển tải							**221 900**	**54 930**	**166 970**			
	Tàu đang làm hàng							***73 950***	***54 930***	***19 020***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	05/06	970/06		HẢI NAM 89	CÁM 6A.14	30 200	30 214	- 14	10/06		TTCO: 21.700 - CLM:5.000 - KDT CP:4.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/06	975/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.14	20 600	15 686	4 914	DỞ		KDT CP:10.000 - CLM:10.600
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/06	966/06		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150	9 030	14 120	DỞ		TTHG:20.000 - KVCP:3.150
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***147 950***		***147 950***			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000		26 000			TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000		46 000			TTCO: 26.000 - TTHG:20.000
		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 700		27 700			TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**42 006**	**5 311**	**36 695**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***5 351***	***5 311***	***40***			
1		MIỀN BẮC	11/6	499	26/6	BN 2728	Cám 7B	2 585	2 571	14	11/6	PTCB	
2		HẢI PHÒNG	10/6	457	25/6	HD 6818	Cám 7A	1 850	1 829	21	11/6	PTCB	
3		CP HÀNG HẢI VN	09/6	426	24/6	BN 2266	CỤC 1B	916	911	5	11/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***36 655***		***36 655***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000			
2		COALIMEX	02/6	80	15/6	THANH BÌNH 05	CÁM 7A	3 000		3 000			
3		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050			
4		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650			
5		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200			
6		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CÁM 8A	1 976		1 976			
7		SÔNG HỒNG	03/6	141	16/6	HN - 1645	CÁM 8A	996		996			
8		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000			
9		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963			
10		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100			
11		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660			
12		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050			
13		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050			
14		CẦU ĐUỐNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000			
15		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400			
16		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100			
17		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000			
18		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000			
19		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100			
20		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	09/6	421	24/6	BN - 2203	CÁM 8A	1 560		1 560			
21		CP ĐTTM&DV	09/6	423	24/6	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100			
22		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000			
23		CPVT THUỶ	10/6	475	25/6	BN - 2196	CỤC 1B	1 000		1 000			
24		MIỀN TRUNG	11/6	485	26/6	Trung Thành 168	CÁM 8A	1 900		1 900			
25		MIỀN BẮC	11/6	487	26/6	BN - 2128	CÁM 7c	1 400		1 400			
26		MIỀN BẮC	10/6	487B	26/6	BN - 2189	CÁM 7c	1 400		1 400			
27		HÀ NỘI	11/6	517	26/6	BN - 1997	CỤC 1A	1 000		1 000			
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**6 834**	**6 826**	**8**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***6 834***	***6 826***	***8***			
1		ĐIỆN LỰC DK HÀ TĨNH	45967			SƠN HẢI 07	Cám 5a.14	3 918	3 914	4	10/6		
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	45997			QN 1176	Cám 5b.14	2 916	2 912	4	11/6		
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**11 920**	**4 538**	**7 382**			
	Tàu đã làm hàng							***4 560***	***4 538***	***22***			
1		THAN MIỀN NAM	10/6	472	25/6	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400	1 392	8	11/6		
2							Cám 5a.1	1 750	1 744	6	"		
3		KDT MIỀN BẮC	11/6	486	26/6	BN 1988	Cám 5b.1	1 410	1 402	8	"	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***7 360***		***7 360***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	10/6	15		SƠN HẢI 08	Cám 6a.1	3 420		3 420			
2		ĐT TM DV VINACOMIN	10/6	450	25/6	BN 1309	Cục 1b	1 050		1 050		TD	
3		VTT VINACOMIN	10/6	474	25/6	BN 2646	Don 8a	1 020		1 020		TD	
4		KDT MIỀN BẮC	11/6	533	26/6	NB 6490	Cám 5b.1	1 870		1 870		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**25 000**	**-**	**25 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***25 000***		***25 000***			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	25 000		25 000			TTCO:14.000 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**89 250**	**32 271**	**56 979**			
	Tàu đã làm hàng							***69 250***	***32 271***	***36 979***			
1		ÚC	31/5	CLM		TRANSCENDEN WISDOM		19 250	18 971	279	10/6		
2		NAM PHI	31/5	CLM		DELAN DUFF		15 000	11 200	3 800	DỞ		
3		ÚC	31/5	CLM		W-SMASH		20 000		20 000	DỞ		
4		LÀO	20/05	CLM		VIỆT THUẬN 235-02		15 000	2 100	12 900	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh							***20 000***		***20 000***			
1		úC	31/5	CLM		CL LOUDI		20 000		20 000			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	